

Số: **55** /NQ-HĐKĐCLGD

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng  
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn  
của Trường Đại học Tây Nguyên

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-KĐCLGDTL ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-KĐCLGDTL ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn Tổ thư ký Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn của Trường Đại học Tây Nguyên, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

### QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn của Trường Đại học Tây Nguyên của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức đối với hình thức đào tạo chính quy và tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai và minh bạch theo đúng quy định và quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn của Trường Đại học Tây Nguyên theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ mức 4 trở lên là 44/50 tiêu chí (chiếm 88%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (*Chi tiết trong Phụ lục I*). Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn của Trường Đại học Tây Nguyên đạt yêu cầu về chất lượng.

2. Kiến nghị Trường Đại học Tây Nguyên thực hiện 11 nhóm giải pháp bảo đảm, cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (*Chi tiết trong Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long ban hành Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn của Trường Đại học Tây Nguyên theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- GD TTKĐCLGD Thăng Long;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCN CLGD;
- Trường ĐH Tây Nguyên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Kim Phụng**



**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH SƯ PHẠM NGỮ VĂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐKĐCLGD ngày 18 tháng 10 năm 2023  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí đạt<br>(%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          | 4,00                        | 3                  | 100                             |
| Tiêu chí 1.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          | 4,00                        | 3                  | 100                             |
| Tiêu chí 2.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          | 3,67                        | 2                  | 66,67                           |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          | 3,67                        | 2                  | 66,67                           |
| Tiêu chí 4.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.3            | 3                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          | 3,80                        | 4                  | 80,00                           |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.1            | 3                          | 4,00                        | 6                  | 85,71                           |
| Tiêu chí 6.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.6            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.7            | 5                          |                             |                    |                                 |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí đạt<br>(%) |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.1            | 4                          | 4,00                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.1            | 4                          | 4,00                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 8.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.1            | 4                          | 3,60                        | 3                  | 60,00                           |
| Tiêu chí 9.2            | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.4            | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.1           | 4                          | 4,17                        | 6                  | 100                             |
| Tiêu chí 10.2           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.3           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.4           | 5                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.5           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.6           | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.1           | 4                          | 4,00                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 11.2           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.3           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.4           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.5           | 4                          |                             |                    |                                 |

| Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|----------------|-----------------|---------------------------|
| 3,92           | 44              | 88,00                     |



**Phụ lục II**  
**KIỂM NGHIỆM CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH SƯ PHẠM NGỮ VĂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐKĐCLGD ngày 18 tháng 10 năm 2023  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn (CTĐT) của Trường Đại học Tây Nguyên, giai đoạn 2017 - 2022 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định tương đối rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia; được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và được công bố công khai. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần có đầy đủ thông tin, được rà soát, điều chỉnh, công bố công khai, tạo điều kiện cho các bên liên quan tiếp cận và sử dụng. Chương trình dạy học được thiết kế theo chuẩn đầu ra, có cấu trúc tương đối hợp lý, có sự tích hợp và liên mạch giữa các khối giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; được rà soát, điều chỉnh phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Triết lý giáo dục được phổ biến đến các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế tương đối phù hợp nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng về hình thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi, khiếu nại và các nội dung liên quan khác, được phổ biến đến người học. Trong giai đoạn đánh giá không có khiếu nại về kết quả học tập. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên được xây dựng và thực hiện, đảm bảo đúng các quy định về nhân sự. Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên được xác định và được đánh giá. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nhân viên được thu thập, xây dựng thành kế hoạch và triển khai thực hiện. Trong chu kỳ đánh giá, giảng viên thực hiện CTĐT đã thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, cấp bộ/cấp tỉnh công bố trên 60 công trình khoa học trong phạm vi quốc gia, quốc tế. Chính sách, tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được thể hiện đầy đủ trong Đề án tuyển sinh. Công tác truyền thông tuyển sinh đa dạng. Nhà trường có đơn vị được phân công giám sát khối lượng, kết quả học tập, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên. Môi trường làm việc, môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, cảnh quan đẹp, đảm bảo an toàn, tạo điều kiện tốt cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, hội trường và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ thiết bị phù hợp. Nhà trường có trường trung học phổ thông thực hành và Trung tâm kỹ năng sư phạm để thực hiện các hoạt động kiến tập, thực hành, thực tập. Môi trường sức khỏe và an toàn được đảm bảo. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được quy định rõ ràng. Thông tin phản hồi được dùng làm căn cứ để thiết kế và phát triển



chương trình dạy học. Đội ngũ giảng viên thực hiện nhiều nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đa dạng, trong đó có nhiều kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng cho hoạt động dạy, học và đánh giá kết quả học tập. Các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin được đánh giá, cải tiến, đáp ứng yêu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, phân tích, đánh giá và đối sánh thông qua hệ thống phần mềm quản lý. Nguyên nhân tốt nghiệp muộn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời. Số liệu về việc làm của sinh viên được xác lập, giám sát; trong đó, tỷ lệ có việc làm đúng và phù hợp với ngành đào tạo tương đối cao. Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của người học khá rõ về xác lập mục tiêu, loại hình, nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Mở rộng đối tượng khảo sát ý kiến của các bên liên quan, với số lượng khảo sát lớn hơn, đặc biệt là đối với nhà sử dụng lao động và cựu người học; tiếp tục hoàn thiện chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy trình PDCA và diễn đạt chuẩn đầu ra phù hợp hơn để thuận lợi trong việc đánh giá, đo lường mức độ đạt được của các chuẩn đầu ra.

2. Rà soát việc phân nhiệm chuẩn đầu ra và phân chia mức độ đóng góp từ thấp đến cao cho các học phần, đảm bảo tính logic giữa các học phần; rà soát đề cương học phần để xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần rõ ràng hơn, thiết lập ma trận kết nối nội dung chương mục với chuẩn đầu ra học phần phù hợp; bổ sung các hoạt động giám sát, hỗ trợ giúp người học tự học, tự nghiên cứu và có phương pháp kiểm tra đánh giá việc tự học, tự nghiên cứu của người học; tăng cường giải pháp để những đối tượng ngoài Trường có thể tiếp cận CTĐT và đề cương học phần dễ dàng hơn.

3. Phân tích kết quả đối sánh về phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá với các trường có cùng ngành đào tạo để tham khảo, cải tiến hiệu quả hơn; rà soát chuẩn đầu ra của các học phần, đảm bảo có đóng góp rõ ràng cho việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT, đồng thời, xác định rõ ràng hơn mức độ đóng góp của nội dung chương mục với chuẩn đầu ra của học phần; nâng cao hiệu quả khảo sát các bên liên quan trong việc đổi mới, hoàn thiện nội dung học phần/chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; rà soát sắp xếp thứ tự các học phần để đảm bảo tính logic cao hơn và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, tăng thời lượng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

4. Đa dạng hóa hình thức phổ biến, giải thích đầy đủ nội hàm của triết lý giáo dục của Trường đến các bên liên quan ngoài Trường; mô tả rõ hơn các hoạt động tự học/tự nghiên cứu trong đề cương học phần; định kỳ tổng kết, phân tích, đánh giá tác động của các phương pháp giảng dạy để đổi mới, cải tiến phương pháp dạy cách học, tự học, tự nghiên cứu cho người học, phù hợp với thực tiễn



và đặc trưng của CTĐT chuyên ngành Sư phạm Ngữ văn; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và hoạt động trải nghiệm thực tế nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định cụ thể về đánh giá việc tự học/tự nghiên cứu của sinh viên, thời hạn thông báo điểm đánh giá quá trình, tăng trọng số điểm đánh giá quá trình để tạo động lực cho sinh viên trong quá trình học tập; bổ sung quy định về vai trò của giảng viên, Phòng Thanh tra pháp chế và Khoa phụ trách chuyên môn trong công tác chấm phúc khảo bài thi; bổ sung quy định về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận; hướng dẫn giảng viên thiết kế ma trận đề thi và lựa chọn các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra; phân tích kết quả học tập của sinh viên, có đối sánh giữa các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau để đánh giá độ giá trị, độ tin cậy, khách quan của các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá.

6. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, xây dựng kế hoạch nhân sự dài hạn, trung hạn và ngắn hạn phù hợp với nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường; ban hành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên; tách biệt hoạt động đánh giá năng lực của giảng viên, nhân viên với đánh giá, phân loại kết quả hoàn thành nhiệm vụ hằng năm; thực hiện giải pháp cân đối khối lượng công việc của từng giảng viên, nhân viên về số lượng giờ giảng vượt chuẩn; tăng cường chính sách thu hút hấp dẫn ứng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư, làm nòng cốt cho CTĐT; xác định nội dung và khối lượng công việc giảng viên phục vụ cộng đồng bằng các chỉ số cụ thể; xây dựng các hướng nghiên cứu, lựa chọn các đối tác hợp tác để thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng hoạt động khoa học công nghệ; tiếp tục hoàn thiện công cụ khảo sát/đánh giá để ngày càng khoa học, chuẩn hoá.

7. Bổ sung quy định quản lý đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức; nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí có các chỉ số cụ thể đánh giá năng lực nhân viên và bộ chỉ số đánh giá công việc KPIs, trong đó, các nhân viên/đơn vị quản lý người học nên thực hiện báo cáo tổng kết khóa/lớp học và báo cáo đánh giá hiệu quả sau đào tạo; tăng cường khảo sát ý kiến đội ngũ nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc, thi đua khen thưởng để tạo thêm động lực trong công việc.

8. Thực hiện các khảo sát, phân tích về nhu cầu nguồn nhân lực và dự báo để xác định phương thức và tiêu chí tuyển sinh phù hợp; phân tích, đối sánh kết quả học tập của sinh viên tuyển bằng các phương thức/tổ hợp môn khác nhau để đánh giá mức độ phù hợp, độ tin cậy của các phương thức tuyển sinh; đa dạng hóa các phương pháp tư vấn tuyển sinh, đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ; tổng kết, đánh giá hiệu quả của các phương thức tuyển sinh để có những điều chỉnh hợp lý nhằm thu hút được nhiều học sinh giỏi hơn vào Trường; rà soát quy trình giám sát sự tiến bộ của sinh viên, thống kê, phân tích và xử lý dữ liệu, từ đó có giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ sinh viên để giảm tỉ lệ thôi học,



chậm tiến độ học tập; nâng cấp phần mềm hỗ trợ công tác sinh viên; thành lập bộ phận chuyên trách về hỗ trợ, tư vấn tâm lý học đường; đổi mới nội dung, cách thức để nâng cao chất lượng hoạt động của câu lạc bộ nhằm thu hút nhiều sinh viên tham gia, rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên.

9. Tiếp tục bổ sung và cập nhật học liệu cho Thư viện, đầu tư thư viện điện tử, số hóa tài liệu; trang bị máy tính cấu hình cao hơn với phần mềm chuyên dụng để quản lý và điều hành các hoạt động Thư viện; xác định lộ trình thay thế máy tính đã hết khấu hao và bổ sung máy tính mới với cấu hình cao hơn, nâng cấp hệ thống đường truyền và phần mềm chuyên dụng, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung trên cơ sở tích hợp các phần mềm riêng biệt đáp ứng yêu cầu quản trị đại học tiên tiến; khảo sát mức độ hài lòng của người dùng đối với các phòng máy dành cho thực hành tiếng để làm căn cứ cải thiện chất lượng; tiếp tục bổ sung các hạng mục để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người khuyết tật trong học tập và sinh hoạt tại Trường.

10. Mở rộng đối tượng và số lượng các bên liên quan bên ngoài Trường trong việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan về CTĐT và chương trình dạy học; lấy thêm ý kiến phản hồi của đội ngũ chuyên gia, giảng viên cùng ngành đào tạo từ các trường đại học khác; văn bản hóa Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT/chương trình dạy học của Trường dưới dạng quy định áp dụng cho một giai đoạn; cập nhật quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học được quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; tiếp tục phát huy thành tích giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập; hoàn thiện các phiếu khảo sát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí phù hợp, đánh giá đầy đủ quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập của người học và đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

11. Thực hiện các giải pháp giảm tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm; tiếp tục rà soát, đánh giá các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp; đồng bộ chính sách đa dạng hóa các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học với chính sách công nhận và khen thưởng phù hợp; xây dựng kế hoạch và thiết lập các chỉ số thực hiện chính (KPIs) về nghiên cứu khoa học của người học và đối sánh với CTĐT cùng ngành của các trường đại học khác, đề xuất/đầu tư cho nghiên cứu khoa học và triển khai các hoạt động giúp nâng cao số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học của người học; triển khai đối sánh mức độ hài lòng giữa các năm và giữa các CTĐT trong và ngoài trường cũng như phân tích kết quả khảo sát và đề xuất các giải pháp khoa học, hợp lý để cải tiến chất lượng và mức độ hài lòng của các bên liên quan; định kỳ giám sát và đánh giá việc triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng của các đơn vị dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Trên đây là kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung

tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 11 nhóm giải pháp. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.